

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Trinh
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2021/TLST – HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-6-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2022/QĐST-NHGD ngày 28-6-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1987

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Lê M, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 439 đường V, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N có mặt, ông M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-02-2022, bản tự khai ngày 15/3/2022 các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phan Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Lê M sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, nay là phường T, thành phố Q vào ngày 13-11-2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do ông M không quan tâm đến gia đình, thường xuyên vắng nhà, nhiều lúc sống bên ngoài cả tuần mới về nhà được vài hôm lại đi tiếp như cũ. Bà quan tâm hỏi thăm nhưng ông M không cho bà can thiệp vào cuộc sống riêng của ông. Mỗi lần hỏi đến ông thì bị quát tháo, la mắng, đánh đập nên bà đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở xã T sinh sống từ giữa năm 2019 đến nay. Bà N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Lê M.

Về con chung: Bà và ông M có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 09-02-2014, cháu Nguyễn Phúc Mỹ A, sinh ngày 28-5-2017. Hiện các con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Không yêu cầu ông Nguyễn Lê M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn là ông Nguyễn Lê M mặt nên không có lời trình bày.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 68, 203, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Lê M.

+ Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 09-02-2014, cháu

Nguyễn Phúc Mỹ A, sinh ngày 28-5-2017 cho bà Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông Nguyễn Lê M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà Phan Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Lê M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phan Thị N và ông Nguyễn Lê M tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh (nay là phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi) vào ngày 13-11-2013 nên hôn nhân của bà N và ông M là hợp pháp. Theo bà N trình bày thì Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do ông M không quan tâm đến gia đình, thường xuyên vắng nhà, nhiều lúc sống bên ngoài cả tuần mới về nhà được vài hôm lại đi tiếp như cũ. Bà quan tâm hỏi thăm nhưng ông M không cho bà can thiệp vào cuộc sống riêng của ông. Mỗi lần hỏi đến ông thì bị quát tháo, la mắng, đánh đập nên bà đã đưa các con về nhà cha mẹ để ở xã T sinh sống từ giữa năm 2019 đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông M là có thật, cả hai không tìm được hướng giải quyết nên đã sống ly thân; điều đó cho thấy trình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Lê M.

[2.2] *Về con chung:* Bà Phan Thị N và ông Nguyễn Lê M có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 09-02-2014, cháu Nguyễn Phúc Mỹ A, sinh ngày 28-5-2017; hiện các con chung đang sống với bà N. Khi ly hôn, giao con chung tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 09-02-2014, Nguyễn Phúc Mỹ A, sinh ngày 28-5-2017 cho bà Phan Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Phan Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Lê M phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà Phan Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà Phan Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Bà Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Phan Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Lê M.
2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 09-02-2014, Nguyễn Phúc Mỹ A, sinh ngày 28-5-2017 cho bà Phan Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Lê M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. *Về tài sản chung*: Bà Phan Thị N trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. *Về nợ chung*: Bà Phan Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
5. *Về án phí*: Bà Phan Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001871 ngày 04-3-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND phường Trương Quang Trọng,
TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam